

Bản án số: **80/2019/DS-PT**

Ngày 28 - 3 - 2019

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 02 và ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2018/TLPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 147/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:06/2019/QĐPT- DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Phường 8, Tp. Cà Mau, Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1985; cư trú: Tp. Cà Mau, Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/9/2018).

- Bị đơn: Chị P, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tp. Cà Mau, Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh T, sinh năm 1976; cư trú: Tp. Cà Mau, Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 03/10/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tp. Cà Mau, Cà Mau.

- Người kháng cáo: Chị P là bị đơn.

Chị Đ, chị H, chị P, anh T có mặt; chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị P là chủ hội, ngày 09/5/2017 mở dây hội tháng, 28 phần (chung), mỗi phần 3.000.000đ, 18 người tham gia, chị N tham gia 06 phần; Đến tháng 10/2017 chị N lĩnh hội hết 01 phần còn lại 05 phần.

Ngoài việc là hội viên tham gia do chị P làm chủ thì chị N có làm chủ hội, chị P là hội viên. Ngày 20/6/2018, hội do chị N làm chủ bị vỡ nên giữa chị P và chị N cản trở với nhau. Trong 05 phần hội chưa lĩnh của chị N thì chỉ đối trừ 04 phần, còn lại 01 phần hội; sau khi đối trừ chị N vẫn còn nợ chị P vài trăm triệu đồng. Chị N cho rằng, khi đối trừ chị có nói: Trong 05 phần hội này có 01 phần hội chị đứng tên chơi hộ (dùm) chị Đ nên chị P không đối trừ; còn chị P cho rằng chị N chưa lại 01 phần chơi tiếp nên không đối trừ.

Chị Đ cho rằng, đến kỳ thứ 15 chị bỏ hội lĩnh được số tiền 66.900.000đ (đã trừ tiền huê hồng), đối trừ số tiền phải góp lại hội chết 33.000.000đ thì chị P phải giao cho chị 33.900.000đ nhưng chị P không giao, nay chị Đ khởi kiện yêu cầu chị P giao số tiền 33.900.000đ.

Còn chị P cho rằng, chị chỉ chơi hội với chị N chứ không biết chị Đ, lần thứ 15 chị K bỏ thăm cao nên chị K đã lĩnh hội; chị P chỉ đồng ý trả lại chị N nhưng với số tiền 32.690.000đ tiền chị N góp của 14 lần hội sống.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 147/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 365, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ; Buộc chị P thanh toán cho chị Đ số tiền 32.250.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ số tiền chênh lệch là 1.650.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị P phải chịu 1.612.500đ. Chị Đ phải chịu 300.000đ.

Ngày 08/11/2018 chị P là bị đơn nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 08/11/2018) với nội dung:

Anh T là người được chị P ủy quyền, trong giấy ủy quyền anh T sinh năm 1976 nhưng giấy triệu tập của Tòa án ghi sinh năm 1979 là sai.

Không đồng ý trả cho chị Đ 32.250.000đ vì chị không có quan hệ giao dịch gì với chị Đ.

Chị Đ phải bồi thường thiệt hại cho chị do mất công ăn việc làm mỗi ngày dự phiên tòa là 500.000đ.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 147/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện ngày 13/9/2018 (BL.15) chị Đ cho rằng, hội tháng, khai ngày 09/5/2017, có 28 phần, mỗi phần 3.000.000đ, chị N tham gia 06 phần trong đó của chị 01 phần nhưng nhờ chị N đứng tên dùm; còn chị P không thừa nhận có chị Đ tham gia. Án sơ thẩm cho rằng, chị Đ không có chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày của mình nên cho rằng không có cơ sở xác định chị N chơi hội dùm cho chị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị P thừa nhận buổi giải quyết vào ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 8 có chị tham gia nhưng chị bỏ về không ký tên vào biên bản với lý do không có mặt chị Đ tham dự. Biên bản hòa giải tại phường 8 ghi rõ nội dung: Chị P thừa nhận chị Đ có tham gia chơi hội do chị N giới thiệu và đồng ý trả cho chị Đ 32.690.000đ nhưng với điều kiện chị N phải trả tiền mà chị N còn nợ chị (BL.03). Tại bản tự khai của chị P ngày 03/10/2018 chị P cho rằng, khi đối trừ hội chị N có nói chị N có chơi dùm cho chị Đ 01 phần và chị có chừa lại 01 chung không cần trừ, sau đó chị Đ gặp chị nhiều lần năn nỉ nên chị đã đồng ý phần hội đó là của chị Đ (BL. 32). Mặc khác chị Đ cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm cuộc thoại giữa chị Đ và chị P. Đ ghi âm đã được mở cho chị P nghe vào ngày 06/3/2019, chị P thừa nhận đúng là cuộc thoại giữa chị và chị Đ nhưng chị cho rằng chị không có nói về hội mà chỉ có chị Đ nói. Song, nội dung đoạn ghi âm này đã thể hiện rõ, chị Đ yêu cầu chị P giao hội vì chị P đã đồng ý cho chị Đ hốt phần hội của chị Đ, chị P đồng ý giao nhưng phải chờ kết quả giải quyết việc chị N nợ chị và hứa hẹn ngày sau chung hội (BL.66 – 67, 90a).

Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định, chị Đ có tham gia chơi hội do chị P làm chủ là có thật và đã xảy ra. Phần hội chị Đ chơi, chị Đ nhờ chị N đứng tên, tại đây hội tháng, mở hội ngày 09/5/2017, 28 phần, mỗi phần 3.000.000đ; nay chị Đ yêu cầu chị P phải giao trả tiền hội là có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là chuyển giao quyền yêu cầu là không đúng mà đây là tranh chấp hội.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền bị đơn phải giao trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả số tiền 33.900.000đ, bị đơn chỉ đồng ý số tiền 32.690.000đ, án sơ thẩm chấp nhận số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 32.250.000đ.

Thấy rằng, nguyên đơn đã chứng minh được lần khai hội thứ 15, chị K là người tham gia chơi hội đã bỏ lãi 750.000đ còn chị Đ bỏ lãi 650.000đ nên chị K là người lĩnh hội. Từ lần khai hội thứ 15 đến nay chị Đ không tiếp tục tham gia nên án sơ thẩm buộc bị đơn giao trả lại số tiền cho nguyên đơn 32.250.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của chị P có nêu: Anh T là người được chị P ủy quyền, trong giấy ủy quyền anh T sinh năm 1976 nhưng giấy triệu tập Tòa án ghi sinh năm 1979 là sai. Vấn đề này nếu có sai như chị P nêu là do sai sót trong viết giấy triệu tập; việc sai sót này không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết nội dung vụ án.

[4] Đối với kháng cáo chị P yêu cầu chị Đ phải bồi thường thiệt hại do mất công ăn việc làm mỗi ngày chị dự phiên tòa là 500.000đ. Thấy rằng, đây là một yêu cầu khác không phải trong những nội dung yêu cầu khởi kiện của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết trong vụ án này, nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu này, chị P có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm để xem xét thụ lý giải quyết theo trình tự tố tụng ở một vụ án khác.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của chị P không được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 và 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn P; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 147/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ; Buộc chị P giao trả cho chị Đ số tiền 32.250.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ số tiền chênh lệch là 1.650.000đ.

- Án phí: + Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị P phải chịu 1.612.000đ.

+ Án phí dân sự phúc thẩm chị P phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0001605 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; chị P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm chị Đ phải chịu 300.000đ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến